

Phần một

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

I – MỤC TIÊU, NỘI DUNG, CẤU TRÚC VÀ NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

1. Mục tiêu môn học

Môn Giáo dục công dân (GDGD) ở Trung học phổ thông (THPT) nhằm giúp học sinh (HS) :

a) Về kiến thức

– Có hiểu biết ban đầu về thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng.

– Biết được một số phạm trù cơ bản của đạo đức học ; hiểu một số yêu cầu đạo đức đối với người công dân hiện nay.

– Biết một số phạm trù và quy luật kinh tế cơ bản, vai trò quản lí kinh tế của Nhà nước.

– Biết được bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Hiểu đường lối, quan điểm của Đảng ; các chính sách quan trọng của Nhà nước về xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay.

– Hiểu bản chất và vai trò của pháp luật đối với sự phát triển của công dân, đất nước, nhân loại. Hiểu quyền và nghĩa vụ công dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

– Hiểu trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện đường lối, quan điểm của Đảng ; pháp luật, chính sách của Nhà nước ; hiểu trách nhiệm đạo đức, trách nhiệm tham gia phát triển kinh tế của công dân.

b) Về kĩ năng

- Vận dụng được kiến thức đã học để phân tích, đánh giá các hiện tượng, các sự kiện, các vấn đề trong thực tiễn cuộc sống phù hợp với lứa tuổi.
- Biết lựa chọn và thực hiện các hành vi ứng xử phù hợp với các giá trị xã hội.
- Biết bảo vệ cái đúng, cái tốt, cái đẹp và đấu tranh, phê phán đối với các hành vi, hiện tượng tiêu cực trong cuộc sống phù hợp với khả năng của bản thân.

c) Về thái độ

- Yêu cái đúng, cái tốt, cái đẹp ; không đồng tình với các hành vi, việc làm tiêu cực.
- Yêu quê hương, đất nước ; trân trọng và phát huy các giá trị truyền thống của dân tộc.
- Tin tưởng vào các đường lối, chủ trương của Đảng ; tôn trọng pháp luật, chính sách của Nhà nước và các quy định chung của cộng đồng, của tập thể.
- Có hoài bão và mục đích sống cao đẹp.

2. Nội dung và cấu trúc chương trình

a) Xuất phát từ mục tiêu môn học, nội dung môn GDCD ở THPT được xác định thành 5 phần chính với thời lượng phân phối như sau :

- *Phần thứ nhất* : Công dân với việc hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học (16 tiết lí thuyết).
- *Phần thứ hai* : Công dân với đạo đức (11 tiết lí thuyết).
- *Phần thứ ba* : Công dân với kinh tế (13 tiết lí thuyết).
- *Phần thứ tư* : Công dân với các vấn đề chính trị – xã hội (14 tiết lí thuyết).
- *Phần thứ năm* : Công dân với pháp luật (27 tiết lí thuyết).

Ngoài những bài học chính trong sách giáo khoa (SGK), chương trình còn dành một số thời gian cho các hoạt động thực hành, ngoại khoá, dạy học về các vấn đề gắn với tình hình địa phương. Để thực hiện nội dung và hình thức của các hoạt động này, giáo viên (GV) cần căn cứ vào các phong trào chính trị – xã hội ở địa phương, các chủ trương, chính sách mới, các cuộc vận động chính trị – xã hội lớn của Đảng và Nhà nước nhằm phục vụ mục tiêu của môn học.

b) Năm phần chính trong chương trình trên đây có quan hệ chặt chẽ với nhau, đồng thời có quan hệ với chương trình môn GDCD ở Trung học cơ sở (THCS) theo nguyên tắc tích hợp, đồng tâm và phát triển.

– *Phần thứ nhất* : Một số nội dung chủ yếu của Triết học, nhằm trang bị cho HS những cơ sở ban đầu về thế giới quan, phương pháp luận trong cuộc sống và là căn cứ lí luận cho các phần sau.

– *Phần thứ hai* : Một số giá trị đạo đức của con người Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Đây là sự phát triển tiếp nối của môn GDCD ở THCS. Những chuẩn mực đạo đức mà HS đã học ở các lớp dưới được nâng lên thành những giá trị đạo đức, tư tưởng, chính trị, lối sống của con người Việt Nam thời kì công nghiệp hoá (CNH), hiện đại hoá (HĐH) nhằm giúp HS giải quyết hợp lí, có hiệu quả các mối quan hệ xã hội.

– *Phần thứ ba* : Cung cấp cho HS những hiểu biết cơ bản về một số phạm trù, quy luật kinh tế và phương hướng phát triển kinh tế ở nước ta. Trên cơ sở đó, giúp HS có thể xác định được phương hướng học tập, lựa chọn ngành, nghề hoặc các lĩnh vực hoạt động khác khi ra trường.

– *Phần thứ tư* : Giúp HS có những hiểu biết cơ bản về chủ nghĩa xã hội và một số chính sách quan trọng của Đảng và Nhà nước để HS có thể xác định được trách nhiệm công dân đối với việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

– *Phần thứ năm* : Cung cấp những hiểu biết cơ bản về bản chất, vai trò và nội dung của pháp luật trong một số lĩnh vực của đời sống xã hội giúp HS có thể chủ động, tự giác điều chỉnh hành vi của cá nhân và đánh giá được hành vi của người khác theo quyền và nghĩa vụ của công dân trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

c) Xuất phát từ vị trí của từng phần trong chương trình, thời lượng phân bố cho từng lớp, chương trình được bố trí như sau :

– Lớp 10 : Học phần 1 và 2.

– Lớp 11 : Học phần 3 và 4.

– Lớp 12 : Học phần 5.

3. Nguyên tắc xây dựng chương trình

Để có thể chủ động và sáng tạo trong giảng dạy, GV cần nắm được các nguyên tắc chủ đạo trong việc xây dựng chương trình như sau :

a) Môn GDCD ở THPT phải kế thừa, phát triển kết quả dạy học của môn Đạo đức ở Tiểu học và môn GDCD ở THCS. Mục tiêu, nội dung môn GDCD ở THPT phải góp phần củng cố, phát triển hệ thống giá trị đạo đức, văn hoá, pháp luật, tư tưởng chính trị, lối sống mà HS đã được hình thành ở Tiểu học và THCS. Đồng thời, giúp HS nhận rõ trách nhiệm của thanh niên đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ; trang bị cho HS phương pháp luận đúng đắn để HS có đủ bản lĩnh, đủ năng lực chủ động và tự giác xác định phương hướng phát triển của bản thân sau khi tốt nghiệp THPT (học lên Cao đẳng, Đại học, Trung cấp chuyên nghiệp hay lao động, hoạt động xã hội v.v...).

b) Môn GDCD ở THPT phải góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục ở THPT ; góp phần củng cố, phát triển ở HS lí tưởng sống đúng đắn, những phẩm chất và năng lực cơ bản của con người Việt Nam thời kì CNH, HĐH.

Những phẩm chất đạo đức, tư tưởng chính trị, lối sống phải là những giá trị của con người Việt Nam trong thời kì CNH, HĐH thể hiện cả ở nhận thức, hành vi và tình cảm, niềm tin với tư cách là một chủ thể của sự phát triển nhân cách, phát triển xã hội. Những năng lực cơ bản như tự hoàn thiện bản thân, giao tiếp và ứng xử, tổ chức quản lí, hoạt động chính trị – xã hội, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh, định hướng lao động nghề nghiệp xã hội sau khi tốt nghiệp, thích ứng với những điều kiện và hoàn cảnh cụ thể trong quá trình phát triển của xã hội.

Môn GDCD ở THPT phải góp phần phát triển cân đối, hài hoà giữa các giá trị ; giữa kiến thức, kĩ năng và thái độ ; giữa nhận thức và hành động của HS để hình thành ở các em tình cảm, niềm tin và ý thức trách nhiệm của tuổi trẻ trước sự phát triển của đất nước.

c) Môn GDCD ở THPT phải là một hệ thống các kiến thức về nhiều lĩnh vực, HS có đủ những hiểu biết cơ bản để hình thành thế giới quan, nhân sinh quan, góp phần giúp HS có cơ sở giải quyết những vấn đề của thực tế cuộc sống.

Môn GDCD ở THPT phải cung cấp cho HS những kiến thức và phương pháp luận để xem xét, phân tích những hiện tượng tự nhiên và xã hội xảy ra xung quanh ; trang bị cho họ những kiến thức cơ bản về các giá trị của con người Việt Nam thời kì CNH, HĐH ; những hiểu biết về chủ nghĩa xã hội, về nhà nước XHCN, về nền dân chủ XHCN, về các định hướng phát triển kinh tế – xã hội, về vai trò và giá trị của pháp luật đối với sự tồn tại và phát triển của mỗi cá nhân, Nhà nước và xã hội.

d) Môn GDCD ở THPT phải phù hợp với đặc điểm tâm, sinh lí lứa tuổi HS. Mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học môn GDCD phải phù hợp với lứa tuổi HS (khoảng từ 16 đến 18 tuổi), phải căn cứ vào vốn sống và sự hiểu biết về tự nhiên, xã hội của họ ; phải phát huy tối đa tiềm năng và ý thức trách nhiệm của HS trong quá trình học tập và rèn luyện.

e) Môn GDCD ở THPT phải coi trọng hoạt động – một nguyên tắc cơ bản để đổi mới việc dạy học bộ môn GDCD.

Sẽ không hình thành được thế giới quan, phương pháp luận, những phẩm chất đạo đức cũng như kĩ năng và thái độ cần thiết cho HS nếu như không đổi mới phương pháp dạy – học theo hướng phát huy tính tích cực, gắn hoạt động dạy – học với hoạt động xã hội, hoạt động lao động sản xuất và các hoạt động thực tiễn khác.

II – MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở LỚP 11

Nội dung chương trình môn GDCD ở lớp 11 được cấu trúc thành hai phần :

- Công dân với kinh tế.
- Công dân với các vấn đề chính trị – xã hội.

1. Phần một : Công dân với kinh tế

a) Mục tiêu

Học xong phần này, HS cần đạt được các yêu cầu sau đây :

* Về kiến thức

– Hiểu được một số phạm trù, quy luật kinh tế cơ bản và phương hướng phát triển kinh tế trong thời kì CNH, HĐH ở nước ta.

– Hiểu được trách nhiệm của công dân trong việc xây dựng, phát triển kinh tế cá nhân, gia đình và xã hội.

* Về kĩ năng

– Vận dụng được những kiến thức đã học để lí giải một số vấn đề về phát triển kinh tế trong đời sống xã hội.

– Có kĩ năng nhận xét, đề xuất và tham gia giải quyết những hiện tượng kinh tế gần gũi, phù hợp với lứa tuổi.

– Có kĩ năng định hướng nghề nghiệp phù hợp với bản thân và yêu cầu phát triển của xã hội.

** Về thái độ*

- Tin tưởng đường lối, chính sách phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước.
- Tin tưởng vào khả năng của bản thân trong việc xây dựng kinh tế gia đình và góp phần phát triển kinh tế đất nước.

b) Nội dung chương trình

Nội dung chương trình được sắp xếp thành 8 bài với gợi ý phân phối thời lượng như sau :

- Bài 1 (2 tiết) : Công dân với sự phát triển kinh tế
- Bài 2 (3 tiết) : Hàng hoá – Tiền tệ – Thị trường
- Bài 3 (2 tiết) : Quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hoá
- Bài 4 (1 tiết) : Cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hoá
- Bài 5 (1 tiết) : Cung – cầu trong sản xuất và lưu thông hàng hoá
- Bài 6 (2 tiết) : Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước
- Bài 7 (2 tiết) : Thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần và tăng cường vai trò quản lí kinh tế của Nhà nước

2. Phần hai : Công dân với các vấn đề chính trị – xã hội

a) Mục tiêu

Học xong phần này, HS cần đạt được các yêu cầu sau đây :

** Về kiến thức*

– Hiểu được tính tất yếu và đặc điểm của thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Hiểu được bản chất của Nhà nước và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

– Nắm được nội dung cơ bản về một số chính sách lớn của Đảng và Nhà nước hiện nay.

** Về kĩ năng*

– Biết vận dụng kiến thức để phân biệt sự khác nhau về bản chất giữa Nhà nước xã hội chủ nghĩa với các nhà nước trước đó ở nước ta ; biết thực hiện các quyền dân chủ xã hội chủ nghĩa và tham gia tuyên truyền các chính sách lớn của Đảng và Nhà nước.

– Biết tìm hiểu, phân tích, đánh giá một số vấn đề gần gũi trong đời sống chính trị – xã hội hiện nay.

** Về thái độ*

– Có ý thức đúng đắn về trách nhiệm công dân đối với việc xây dựng, bảo vệ Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa.

– Tin tưởng và tự giác thực hiện tốt đường lối, chủ trương và chính sách của Đảng và Nhà nước.

b) Nội dung chương trình

Nội dung chương trình được sắp xếp thành 2 nhóm, gồm 8 bài, với thời lượng được phân phối như sau :

A. Một số vấn đề về chủ nghĩa xã hội

– Bài 8 (2 tiết) : Chủ nghĩa xã hội

– Bài 9 (3 tiết) : Nhà nước xã hội chủ nghĩa

– Bài 10 (2 tiết) : Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

B. Một số chính sách lớn ở nước ta hiện nay

– Bài 11 (1 tiết) : Chính sách dân số và giải quyết việc làm

– Bài 12 (1 tiết) : Chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường

– Bài 13 (3 tiết) : Chính sách giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hoá

– Bài 14 (1 tiết) : Chính sách quốc phòng và an ninh

– Bài 15 (1 tiết) : Chính sách đối ngoại

III – SÁCH GIÁO KHOA VÀ SÁCH GIÁO VIÊN MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

Đây là hai tài liệu thiết yếu đối với GV môn Giáo dục công dân.

1. Sách giáo khoa Giáo dục công dân

Sách giáo khoa là tài liệu nhằm cụ thể hoá chương trình qua một hệ thống các bài học. Đối với HS, SGK không chỉ có chức năng cung cấp những kiến thức

chuẩn mực và cần thiết, mà còn góp phần hướng dẫn phương pháp học tập, củng cố những kiến thức đã học, tạo điều kiện phát triển các kỹ năng đã được hình thành. Đối với GV, SGK là tài liệu thể hiện khối lượng và mức độ nội dung kiến thức cần giảng dạy.

SGK được biên soạn theo các nguyên tắc cơ bản, khoa học, hiện đại, sát với thực tiễn Việt Nam. Nó là căn cứ để kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS.

Cấu trúc các bài trong SGK được thống nhất như sau :

- Tên bài.
- Mở đầu bài học : Nêu lên những yêu cầu, định hướng sự chú ý của HS.
- Nội dung bài học : Trình bày các đơn vị kiến thức dưới dạng các mục nhỏ để HS dễ theo dõi.
- Tư liệu tham khảo : Cung cấp những thông tin, tư liệu giúp HS hiểu sâu hơn về bài học và làm bài tập.
- Câu hỏi và bài tập : Mục tiêu của các câu hỏi, bài tập nhằm giúp HS khắc sâu và mở rộng kiến thức, trau dồi lí tưởng, đạo đức, rèn luyện kỹ năng, đáp ứng yêu cầu giảng dạy có phân hoá đối với các trình độ khác nhau của HS.

SGK sử dụng những chữ in nghiêng để nhấn mạnh những kiến thức cần nhớ (định nghĩa, khái niệm, nội dung, quy luật...), những chữ in nhỏ để đặt câu hỏi, dẫn giải, chú thích... giúp cho HS phân biệt được ý chính, ý phụ của từng phần.

2. Sách giáo viên Giáo dục công dân

Sách hướng dẫn giảng dạy ở từng lớp, gọi tắt là Sách giáo viên (SGV). SGV là sách tham khảo về kiến thức chuyên môn và phương pháp dạy học (PPDH). Nó vừa đảm nhận chức năng thông tin khoa học, vừa có chức năng giúp đỡ, hướng dẫn GV cách tổ chức quá trình hoạt động của HS theo những định hướng đổi mới nội dung và phương pháp dạy học.

Cấu trúc SGV gồm có 2 phần :

Phần một : Nêu lên những vấn đề chung về mục tiêu, nội dung chương trình, SGK, định hướng về phương pháp giảng dạy.

Phần hai : Gợi ý, hướng dẫn dạy học từng bài cụ thể.

Cấu trúc thống nhất của từng bài ở phần thứ hai như sau :

– *Tên bài*

– *Mục tiêu bài học* : Làm rõ những yêu cầu HS cần đạt về kiến thức, kĩ năng, thái độ.

– *Những điều cần lưu ý* : Nói rõ những điểm cần lưu ý về nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, phương tiện dạy học, kiểm tra và đánh giá. Đặc biệt chú ý làm rõ trọng tâm và mức độ của bài, gợi ý những phương pháp dạy học chính được vận dụng trong bài, cách tổ chức hoạt động học tập của HS.

– *Gợi ý tiến trình tổ chức dạy học* : Hướng dẫn phân mở bài, tổ chức dạy học các đơn vị kiến thức của bài, hướng dẫn củng cố bài học.

– *Tư liệu tham khảo* : Cung cấp những thông tin, tư liệu, chỉ dẫn những địa chỉ giúp GV tra cứu các nguồn tài liệu tham khảo.

IV – PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NÓI CHUNG VÀ Ở LỚP 11 NÓI RIÊNG

A. Một số định hướng

1. Phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân phải theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS ; bồi dưỡng cho HS năng lực tự học, khả năng thực hành, lòng say mê học tập và ý chí vươn lên ; khắc phục thói quen học tập thụ động theo kiểu : thầy giảng – trò nghe, thầy hỏi – trò trả lời, thầy đọc – trò ghi chép và học thuộc.

2. Quá trình dạy học một bài Giáo dục công dân phải là quá trình HS được cuốn hút vào các hoạt động do GV thiết kế, tổ chức và chỉ đạo, để thông qua đó, HS có thể tự khám phá và chiếm lĩnh nội dung bài học. HS sẽ hứng thú, thông hiểu và ghi nhớ những gì HS đã nắm được qua hoạt động chủ động, nỗ lực của chính mình.

3. Trong quá trình dạy học, GV phải huy động, khai thác tối đa kinh nghiệm sống của HS ; tạo cơ hội và động viên, khuyến khích HS bày tỏ quan điểm, ý kiến cá nhân về vấn đề đang học. GV cần khuyến khích HS nêu thắc mắc trong khi nghe giảng ; đặt câu hỏi cho thầy, cho bạn ; trao đổi, tranh luận, tạo nên mối quan hệ hợp tác trong giao tiếp giữa thầy với trò ; trò với trò trong quá trình chiếm lĩnh nội dung học tập.

Thông qua thảo luận, tranh luận trong tập thể, ý kiến cá nhân được bộc lộ, khẳng định hay bác bỏ, sẽ giúp HS nâng cao được trình độ. Bài học cần vận dụng được vốn hiểu biết và kinh nghiệm của mỗi HS và cả lớp, không nên chỉ dựa trên vốn hiểu biết và kinh nghiệm sống của GV.

Hợp tác trong học tập sẽ làm tăng hiệu quả học tập, nhất là lúc phải giải quyết những vấn đề gay gắt, lúc xuất hiện thực sự nhu cầu phối hợp giữa các cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ chung. Trong hoạt động hợp tác theo nhóm nhỏ, tính cách, năng lực của mỗi thành viên được bộc lộ, uốn nắn; tình bạn, ý thức tổ chức, tinh thần tương trợ được phát triển. Sự hợp tác trong học tập sẽ giúp HS quen dần với sự phân công hợp tác trong lao động xã hội và hình thành năng lực hợp tác cho người công dân sống trong một thế giới phát triển với những sự hợp tác song phương, đa phương giữa các quốc gia và xu hướng quốc tế hoá, toàn cầu hoá.

4. Dạy học môn Giáo dục công dân phải gắn bó chặt chẽ với thực tiễn cuộc sống của HS. GV cần tăng cường sử dụng các tình huống, các câu chuyện, các hiện tượng thực tế, các vấn đề bức xúc trong xã hội để phân tích, đối chiếu, minh hoạ cho bài giảng. Đồng thời, cần hướng dẫn, khuyến khích HS liên hệ, tự liên hệ; điều tra, tìm hiểu, phân tích, đánh giá các sự kiện trong đời sống của lớp học, nhà trường, địa phương, đất nước.

5. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học môn Giáo dục công dân rất phong phú, đa dạng, bao gồm cả các phương pháp truyền thống (trực quan, giảng giải, vấn đáp...) và các phương pháp hiện đại (như đóng vai, hoạt động nhóm, điều tra thực tiễn, dự án, ...); bao gồm các hình thức: học theo lớp, theo nhóm và cá nhân; hình thức học ở trong lớp, ngoài sân trường, vườn trường hoặc ở một địa điểm ngoài trường có liên quan đến nội dung học tập.

Mỗi phương pháp và hình thức dạy học môn GD CD đều có mặt mạnh và hạn chế riêng, phù hợp với từng loại bài riêng, từng khâu riêng của tiết dạy. Vì vậy, không nên quá lạm dụng hoặc phủ định hoàn toàn một phương pháp hoặc hình thức dạy học nào. Điều quan trọng là cần phải lựa chọn và sử dụng kết hợp các phương pháp và hình thức dạy học một cách hợp lí.

B . Một số phương pháp dạy học (PPDH) GD&ĐT ở lớp 11

1. Phương pháp vấn đáp

Vấn đáp (đàm thoại) là phương pháp GV đặt ra những câu hỏi để HS trả lời, hoặc HS có thể tranh luận với nhau và với cả GV. Qua đó, HS lĩnh hội được nội dung bài học. Căn cứ vào tính chất hoạt động nhận thức, người ta phân biệt ba loại vấn đáp.

– *Vấn đáp tái hiện* : GV đặt ra những câu hỏi chỉ yêu cầu HS nhớ lại kiến thức đã biết và trả lời dựa vào trí nhớ, không cần suy luận. Vấn đáp tái hiện không được xem là một phương pháp có giá trị sư phạm cao. Đó là một biện pháp được dùng khi cần đặt mối liên hệ giữa kiến thức đã học với kiến thức sắp học hoặc khi cần củng cố kiến thức vừa mới học.

– *Vấn đáp giải thích – minh họa* : Nhằm mục đích làm sáng tỏ một vấn đề nào đó, GV lần lượt nêu ra những câu hỏi kèm theo những ví dụ minh họa để HS dễ hiểu, dễ nhớ. Phương pháp này đặc biệt có hiệu quả khi có sự hỗ trợ của các phương tiện nghe, nhìn.

– *Vấn đáp tìm tòi* : GV dùng một hệ thống câu hỏi được sắp xếp hợp lý để hướng dẫn HS từng bước phát hiện ra bản chất của sự vật, tính quy luật của hiện tượng đang tìm hiểu, kích thích sự ham hiểu biết. GV tổ chức trao đổi ý kiến – kể cả tranh luận – giữa thầy với HS cả lớp, có khi giữa trò với trò, nhằm giải quyết một vấn đề xác định. Trong vấn đáp tìm tòi, GV là người tổ chức sự tìm tòi, còn HS tự lực phát hiện kiến thức mới. Vì vậy, khi kết thúc cuộc đàm thoại, HS có được niềm vui của sự khám phá, trưởng thành thêm một bước về trình độ tư duy.

2. Phương pháp động não

Động não là phương pháp giúp cho HS trong một thời gian ngắn nảy sinh được nhiều ý tưởng, nhiều giả định về một vấn đề nào đó. Đây là một phương pháp có ích để "lôi ra" một danh sách các thông tin.

**** Cách tiến hành***

Có thể tiến hành theo các bước sau :

– Giáo viên nêu câu hỏi hoặc vấn đề (có nhiều cách trả lời) cần được tìm hiểu trước cả lớp hoặc trước nhóm.

- Khích lệ HS phát biểu và đóng góp ý kiến càng nhiều càng tốt.
 - Liệt kê tất cả mọi ý kiến lên bảng hoặc giấy khổ to, không loại trừ một ý kiến nào, trừ trường hợp trùng lặp.
 - Phân loại các ý kiến.
 - Làm sáng tỏ những ý kiến chưa rõ ràng.
 - Tổng hợp ý kiến của HS.
- * Yêu cầu sư phạm*
- Phương pháp động não đặc biệt phù hợp với các vấn đề ít nhiều đã quen thuộc trong thực tế cuộc sống của HS.
 - Phương pháp này có thể dùng cho cả câu hỏi có phân kết đóng và phân kết mở.
 - Các ý kiến phát biểu nên ngắn gọn bằng một từ hay một câu thật ngắn.
 - Tất cả mọi ý kiến đều cần được GV hoan nghênh, chấp nhận mà không nên phê phán, nhận định đúng, sai ngay.
 - Cuối giờ thảo luận, GV nên nhấn mạnh kết luận này là kết quả của sự tham gia chung của tất cả HS.

3. Phương pháp thảo luận nhóm

Về thực chất, phương pháp thảo luận nhóm là tổ chức cho HS *bàn bạc, trao đổi* trong *nhóm nhỏ*. Thảo luận nhóm được sử dụng rộng rãi nhằm giúp cho mọi HS tham gia một cách chủ động vào quá trình học tập, tạo cơ hội cho HS có thể chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, ý kiến để giải quyết một vấn đề có liên quan đến nội dung bài học.

Các nghiên cứu về phương pháp thảo luận nhóm đã chứng minh rằng, nhờ việc thảo luận trong nhóm nhỏ mà :

- Kiến thức của HS sẽ giảm bớt tính chủ quan, phiến diện, làm tăng tính khách quan khoa học ;
- Kiến thức trở nên sâu sắc, bền vững, dễ nhớ và nhớ nhanh hơn do được giao lưu, học hỏi giữa các thành viên trong nhóm ;

– Nhờ không khí thảo luận cởi mở giúp HS thoải mái, tự tin hơn trong việc trình bày ý kiến của mình và biết lắng nghe có phê phán ý kiến của những thành viên khác.

** Cách tiến hành*

Thảo luận nhóm có thể tiến hành theo các bước sau :

– Giáo viên nêu chủ đề thảo luận, chia nhóm, giao câu hỏi, yêu cầu thảo luận cho mỗi nhóm, quy định thời gian thảo luận và phân công vị trí ngồi thảo luận cho các nhóm.

– Các nhóm tiến hành thảo luận.

– Đại diện từng nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm. Các nhóm khác lắng nghe, chất vấn, trao đổi, bổ sung ý kiến.

– GV tổng kết các ý kiến.

** Yêu cầu sư phạm*

– Có nhiều cách chia nhóm, có thể theo số điểm danh, theo lứa tuổi, theo giới tính, theo vị trí ngồi,...

– Quy mô nhóm có thể lớn hoặc nhỏ, tùy theo vấn đề thảo luận. Tuy nhiên, nhóm từ 6 – 8 HS là tốt nhất, bởi lẽ :

+ Số HS như vậy vừa đủ nhỏ để đảm bảo tất cả HS có thể tham gia ý kiến.

+ Số HS như vậy vừa đủ lớn để đảm bảo rằng, HS không thiếu ý tưởng để tham gia đóng góp ý kiến.

– Nội dung thảo luận của các nhóm có thể giống hoặc khác nhau.

– Cần quy định rõ thời gian thảo luận và trình bày kết quả thảo luận cho các nhóm.

– Mỗi nhóm cần chọn một trong những thành viên trong nhóm làm nhóm trưởng. Nhóm trưởng điều khiển thảo luận. Đồng thời, ở nhiều trường hợp – nhưng không phải là tất cả, trong nhóm cần có một người ghi biên bản, ghi lại những điểm chính của cuộc thảo luận để trình bày trước cả lớp. HS cần được luân phiên nhau làm "nhóm trưởng" và "thư kí" và luân phiên nhau đại diện cho nhóm trình bày kết quả thảo luận.

– Kết quả thảo luận có thể được trình bày dưới nhiều hình thức : bằng lời, đóng vai, viết hoặc vẽ trên giấy to,... ; có thể do một người thay mặt nhóm trình bày, có thể nhiều người trình bày, mỗi người một đoạn nối tiếp nhau,...

– Trong thời gian HS thảo luận theo nhóm nhỏ, GV cần đi vòng quanh các nhóm và lắng nghe ý kiến của HS, giúp đỡ, gợi ý cho họ, nếu cần thiết.

4. Phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình (hay còn gọi là phương pháp tình huống)

Phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình là một PPDH, trong đó HS tự lực nghiên cứu một tình huống thực tiễn và giải quyết các vấn đề của tình huống đặt ra.

Tình huống là một hoàn cảnh thực tế, trong đó chứa đựng những mâu thuẫn, xung đột. Người ta phải đưa ra một quyết định trên cơ sở cân nhắc các phương án giải quyết khác nhau. Tình huống cũng có thể là một hoàn cảnh gắn với câu chuyện có cốt truyện, nhân vật, có chứa đựng xung đột, có tính phức hợp được viết ra để minh chứng một vấn đề hay một số vấn đề của cuộc sống thực tế. Tình huống trong dạy học là những tình huống thực hoặc mô phỏng theo tình huống thực, được cấu trúc hoá nhằm mục đích dạy học.

** Cách tiến hành*

Các bước nghiên cứu tình huống có thể là :

- HS đọc (hoặc xem hay nghe) tình huống thực tế và suy nghĩ về nó.
- GV đưa ra một hay nhiều câu hỏi hướng dẫn liên quan đến tình huống.
- Thảo luận tình huống thực tế.
- Thảo luận vấn đề chung hay các vấn đề được minh chứng bằng thực tế.

** Yêu cầu sư phạm*

- Tình huống có thể dài hay ngắn, tùy từng nội dung vấn đề.
- Tình huống phải được kết thúc bằng một loạt các vấn đề hoặc câu hỏi như :
Bạn nghĩ điều gì sẽ xảy ra tiếp theo ? Bạn sẽ làm gì nếu bạn là nhân vật A ? Nhân vật B ?... Vấn đề này có thể đã được ngăn chặn như thế nào ? Lúc này cần phải làm gì để hạn chế tính trầm trọng của vấn đề ?

– Vấn đề trả lời các câu hỏi này phải được dùng để khái quát một tình huống rộng hơn, khái quát hơn.

– Tình huống cần liên hệ với kinh nghiệm hiện tại cũng như tình huống cuộc sống, nghề nghiệp trong tương lai của người học.

– Tình huống có thể diễn giải theo cách nhìn của người học và để mở nhiều hướng giải quyết.

– Tình huống cần chứa đựng mâu thuẫn, vấn đề và có thể liên quan đến nhiều phương diện.

– Tình huống cần vừa sức với HS và có thể giải quyết trong điều kiện cụ thể.

– Tình huống cần có nhiều cách giải quyết khác nhau. Trong việc giải quyết các tình huống thực tiễn, không phải bao giờ cũng có giải pháp duy nhất đúng.

– Đôi khi, nghiên cứu tình huống có thể được thực hiện trên video hay một băng cát-sét mà không phải trên dạng chữ viết.

5. Phương pháp đóng vai

Đóng vai là phương pháp tổ chức cho người học thực hành, "làm thử" một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định. Đây là phương pháp dạy học *nhằm giúp HS suy nghĩ sâu sắc* về một vấn đề bằng cách tập trung vào một sự kiện cụ thể mà họ quan sát được. Việc "diễn" không phải là phần chính của phương pháp này mà *điều quan trọng là sự thảo luận sau phần diễn ấy*.

Phương pháp đóng vai có nhiều ưu điểm như :

– HS được rèn luyện, thực hành những kĩ năng ứng xử và bày tỏ thái độ trong môi trường an toàn trước khi thực hành trong thực tiễn.

– Gây hứng thú và chú ý cho HS.

– Tạo điều kiện làm phát triển óc sáng tạo của HS.

– Khích lệ sự thay đổi thái độ, hành vi của HS theo hướng tích cực.

– Có thể thấy ngay tác động và hiệu quả của lời nói hoặc việc làm của các vai diễn.

** Cách tiến hành*

Có thể tiến hành đóng vai theo các bước sau :

– Giáo viên nêu chủ đề, chia nhóm và giao tình huống, yêu cầu đóng vai cho từng nhóm. Trong đó có quy định rõ thời gian chuẩn bị, thời gian đóng vai của mỗi nhóm.

– Các nhóm thảo luận chuẩn bị đóng vai.

– Các nhóm tiến hành đóng vai.

– Lớp thảo luận, nhận xét, thường thì thảo luận bắt đầu về cách ứng xử của các nhân vật cụ thể hoặc tình huống trong vở diễn, nhưng sẽ mở rộng phạm vi sang thảo luận những vấn đề khái quát hơn hay những vấn đề mà vở diễn chứng minh.

– GV kết luận.

** Yêu cầu sư phạm*

– Tình huống đóng vai phải phù hợp với chủ đề GDCD, phù hợp với lứa tuổi, trình độ HS và điều kiện, hoàn cảnh lớp học.

– Tình huống nên để mở, không cho trước "kịch bản", lời thoại.

– Phải dành thời gian phù hợp cho các nhóm chuẩn bị đóng vai.

– Người đóng vai phải hiểu rõ vai của mình trong bài tập đóng vai để không lạc đề.

– Nên khích lệ tất cả HS cùng tham gia, kể cả những HS nhút nhát.

– Nên có hoá trang và đạo cụ đơn giản để tăng tính hấp dẫn của trò chơi đóng vai.

6. Phương pháp giải quyết vấn đề

Giải quyết vấn đề là quá trình xem xét, phân tích những vấn đề đang tồn tại và xác định các bước nhằm cải thiện tình hình, giúp HS vạch ra những cách thức giải quyết vấn đề, tình huống cụ thể gặp phải trong đời sống hàng ngày. Dạy học

giải quyết vấn đề nhằm phát triển tư duy sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề của HS. HS được đặt trong một tình huống có vấn đề, thông qua việc giải quyết vấn đề giúp HS lĩnh hội kiến thức, kỹ năng và phương pháp nhận thức.

** Cách tiến hành*

- Xác định (hay phát hiện) vấn đề cần giải quyết là gì.
- Nêu lên những chi tiết có liên quan đến vấn đề.
- Nêu lên những câu hỏi giúp cho việc giải quyết vấn đề :
 - + Vấn đề xảy ra trong điều kiện nào ?
 - + Vấn đề xảy ra khi nào ?
 - + Vấn đề xảy ra ở đâu ?
- Kiểm tra, xem xét tất cả những thông tin đã tập hợp được về vấn đề.
- Liệt kê tất cả các giải pháp.
- Đánh giá kết quả các giải pháp (tích cực, hạn chế, giá trị, cảm xúc).
- So sánh kết quả các giải pháp.
- Quyết định chọn giải pháp tốt nhất.
- Lập lại các bước trên nếu kết quả chưa tốt.

** Yêu cầu sư phạm*

Vấn đề, tình huống được lựa chọn phải phù hợp với chủ đề GDCC, gắn gũi với thực tế cuộc sống của HS, phải kích thích được sự sáng tạo của người học.

Cách giải quyết vấn đề được lựa chọn phải là giải pháp tối ưu nhất.

7. Phương pháp dự án

Phương pháp dự án được hiểu như là một phương pháp trong đó người học thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, gắn với thực tiễn, kết hợp giữa lí thuyết với thực hành, tự lực lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá kết quả. Hình thức làm việc chủ yếu là theo nhóm, kết quả dự án là những sản phẩm hoạt động có thể giới thiệu được.

Phương pháp dự án có ưu điểm :

- Gắn lí thuyết với thực hành, tư duy và hành động, nhà trường và xã hội.

- Kích thích động cơ, hứng thú học tập của HS.
- Phát huy tính tự lực, tinh thần trách nhiệm ; phát triển khả năng sáng tạo, rèn luyện tính bền bỉ, kiên nhẫn, kĩ năng hợp tác, năng lực đánh giá.
- HS có cơ hội rèn luyện nhiều kĩ năng sống quan trọng như : giao tiếp, ra quyết định, giải quyết vấn đề, đặt mục tiêu...

** Cách tiến hành*

– *Chọn đề tài và xác định mục đích của dự án* : GV và HS cùng nhau đề xuất, xác định đề tài và mục đích dự án. GV có thể giới thiệu một số hướng đề tài để HS lựa chọn và cụ thể hoá. Trong một số trường hợp, việc đề xuất đề tài có thể từ phía HV.

– *Xây dựng đề cương, kế hoạch thực hiện* : Trong giai đoạn này, HS với sự hướng dẫn của GV xây dựng đề cương, kế hoạch cho việc thực hiện dự án. Trong việc xây dựng kế hoạch cần xác định những công việc cần làm, thời gian dự kiến, cách tiến hành, người phụ trách mỗi công việc,...

– *Thực hiện dự án* : Các thành viên thực hiện công việc theo kế hoạch đã đề ra cho nhóm và cá nhân.

– *Thu thập kết quả và công bố sản phẩm* : Kết quả thực hiện dự án có thể được viết dưới dạng thu hoạch, báo cáo. Sản phẩm dự án cũng có thể là tranh, ảnh, pa-nô,... để triển lãm, cũng có thể là những sản phẩm phi vật thể như : diễn một vở kịch, một cuộc tuyên truyền, vận động thực hiện chính sách dân số trong cộng đồng,... Sản phẩm dự án có thể được trình bày giữa các nhóm HS, có thể được giới thiệu trong nhà trường hay ngoài xã hội.

– *Đánh giá dự án* : GV và HS đánh giá quá trình thực hiện, kết quả và kinh nghiệm đạt được. Từ đó rút kinh nghiệm cho các dự án tiếp theo.

** Yêu cầu sư phạm*

- Mục tiêu dự án phải rõ ràng và có tính thực tiễn, tính khả thi.
- Cần tạo cơ hội để tăng cường sự tham gia của HS trong dự án, tuy nhiên phải phù hợp với trình độ và khả năng của các em.